

**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

*Báo cáo tài chính riêng  
Quý 1 năm 2024*



## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG</b>	
- Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	04-05
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	06
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	07
- Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	08-34

## THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

### Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 6 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 17 ngày 10 tháng 4 năm 2024.

### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch (đến 29/03/2024)
Ông Ng Wee Siong Leonard	Chủ tịch (từ 29/03/2024) - Thành viên ĐL HĐQT
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Trung Thành	Phó Chủ tịch (từ 29/03/2024)
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Trực	Thành viên độc lập (từ 29/03/2024)

### Ban Kiểm soát

Ông Đồng Hải Hà	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông Tan Bo Quan Andy	Thành viên (đến 29/03/2024)
Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền	Thành viên (từ 29/03/2024)

### Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Vân Ngọc Nicki	Phó Tổng Giám đốc kiêm GD mua sắm và đấu thầu
Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	Phó Tổng Giám đốc kiêm GD Tài Chính
Ông Nguyễn Giang Nam	Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài trợ dự án (từ 20/03/2024))

### Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT (đến 10/04/2024)
Ông Ng Wee Siong Leonard	Chủ tịch HĐQT (từ 10/04/2024)
Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc

### Trụ sở chính

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần BCG Energy (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng của Công ty thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Phê chuẩn báo cáo tài chính riêng** *W*

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



**Phạm Minh Tuấn**  
**Tổng Giám đốc**

**Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam**  
**Ngày 16 tháng 04 năm 2024**

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Quý I năm 2024

Đơn vị tính: VND

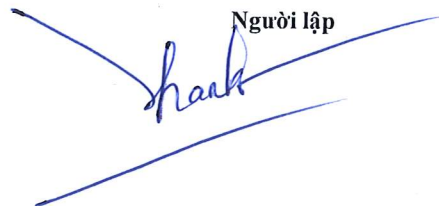
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3,613,492,694,802</b>	<b>2,997,016,695,574</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>7,620,507,248</b>	<b>14,952,726,806</b>
1. Tiền	111	3	7,620,507,248	14,952,726,806
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>490,592,380,000</b>	<b>592,380,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	8a	490,000,000,000	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8b	592,380,000	592,380,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3,110,394,635,591</b>	<b>2,974,852,964,522</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4	36,879,941,380	34,048,831,180
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	37,434,627,300	37,334,627,300
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7a	467,221,300,000	405,340,300,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9a	2,568,858,766,911	2,498,129,206,042
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4,885,171,963</b>	<b>6,618,624,246</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6a	1,332,768,836	3,182,796,468
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,552,403,127	3,435,827,778
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5,630,929,397,247</b>	<b>5,543,574,583,075</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>350,787,180,000</b>	<b>348,817,180,000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	7b	350,777,180,000	348,807,180,000
2. Phải thu dài hạn khác	216	9b	10,000,000	10,000,000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6,633,986,868</b>	<b>6,888,168,390</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	6,633,986,868	6,888,168,390
- Nguyên giá	222		9,674,875,456	9,674,875,456
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3,040,888,588)	(2,786,707,066)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>513,535,623</b>	<b>513,535,623</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		513,535,623	513,535,623
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	8c	<b>5,272,772,684,464</b>	<b>5,187,008,183,228</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		5,387,131,173,850	5,387,131,173,850
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		27,157,712,350	27,157,712,350
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		204,645,000,000	82,145,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(346,161,201,736)	(309,425,702,972)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>222,010,292</b>	<b>347,515,834</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6b	222,010,292	347,515,834
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>9,244,422,092,049</b>	<b>8,540,591,278,649</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,839,299,772,889</b>	<b>1,179,966,921,304</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,733,671,790,658</b>	<b>1,074,338,939,073</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11a	656,332,467,465	170,168,496,154
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	931,650,040,000	833,373,000,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	332,757,511	300,069,666
4. Phải trả người lao động	314		1,627,670,429	1,576,622,500
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	4,251,552,053	3,648,056,273
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	9,582,303,200	18,377,694,480
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	129,895,000,000	46,895,000,000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>105,627,982,231</b>	<b>105,627,982,231</b>
1. Phải trả dài hạn người bán dài hạn	331	11b	105,627,982,231	105,627,982,231
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>7,405,122,319,160</b>	<b>7,360,624,357,345</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>7,405,122,319,160</b>	<b>7,360,624,357,345</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		7,300,000,000,000	7,300,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7,300,000,000,000	7,300,000,000,000
<b>2. Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>421</b>		<b>105,122,319,160</b>	<b>60,624,357,346</b>
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		60,624,357,346	(61,151,176,893)
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		44,497,961,814	121,775,534,238
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>9,244,422,092,049</b>	<b>8,540,591,278,649</b>

Người lập  
  
Nguyễn Thị Thanh Hạ

Kế toán trưởng  
  
Lưu Khánh Trường

Ngày lập, ngày 16 tháng 04 năm 2024

Tổng giám đốc  
  
Phạm Minh Tuấn  


## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Quý 1 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1.2024	Quý 1.2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	7,967,871,000	9,880,875,000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7,967,871,000	9,880,875,000
4. Giá vốn hàng bán	11	19	6,415,732,049	6,323,995,146
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1,552,138,951	3,556,879,854
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	89,868,684,683	116,674,516,053
7. Chi phí tài chính	22	21	40,619,552,528	95,842,493,648
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,241,491,780	90,880,372,436
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	6,294,926,468	5,966,317,292
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		44,506,344,638	18,422,584,967
11. Thu nhập khác	31	23	600	5,456,150,000
12. Chi phí khác	32	24	8,383,424	5,450,089
13. Lợi nhuận khác	40		(8,382,824)	5,450,699,911
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44,497,961,814	23,873,284,878
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		44,497,961,814	23,873,284,878

Người lập  
  
Nguyễn Thị Thanh Hạ

Kế toán trưởng  
  
Lưu Khánh Trường

Ngày lập, ngày 06 tháng 04 năm 2024  
Tổng giám đốc

  
Phạm Minh Tuấn

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1.2024	Quý 1.2023
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		44,497,961,814	23,873,284,878
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		-	-
- Các khoản dự phòng	03		254,181,522	256,609,297
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ	04		36,735,498,764	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		(17,423,766,507)	(18,044,379,069)
- Các khoản điều chỉnh khác	07		2,241,491,780	91,297,039,103
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		-	-
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		66,305,367,373	97,382,554,209
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(24,391,233,726)	(101,427,193,691)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập	11		-	-
doanh nghiệp phải nộp)			569,191,359,805	50,280,399,219
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1,975,533,174	4,776,571,113
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		(490,000,000,000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(2,083,018,381)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		123,081,026,627	48,929,312,469
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(79,851,000,000)	(66,677,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(16,000,000,000)	58,474,835,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(117,600,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		37,753,814	743,565,893
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(213,413,246,186)	(7,458,599,107)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh	32		-	-
nghiệp đã phát hành				
3. Tiền thu từ đi vay	33		83,000,000,000	29,704,347,604
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(91,273,551,770)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		83,000,000,000	(61,569,204,166)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		(7,332,219,558)	(20,098,490,804)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60		14,952,726,806	29,294,646,964
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	VII	7,620,507,248	9,196,156,160

Người lập

Nguyễn Thị Thanh Hạ

Kế toán trưởng

Lưu Khánh Trường





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

cho giai đoạn tài chính quý 1 năm 2024

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

Công ty Cổ phần BCG Energy (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 6 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 ngày 10 tháng 04 năm 2024.

Chi tiết chủ sở hữu của Công ty tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 17.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, Tập đoàn có 10 công ty con trực tiếp, 7 công ty con gián tiếp, 2 công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp và 1 công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10 công ty con trực tiếp, 8 công ty con gián tiếp, 2 công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp và 1 công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con). Chi tiết được trình bày như sau:

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.03.2024		31.12.2023	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ lợi ích %
<b>Công ty con trực tiếp</b>							
1	Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	Sản xuất điện	Bến Lức, Long An	91.84	91.84	91.84	91.84
2	Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch (i)	Sản xuất điện	Phù Mỹ, Bình Định	51.00	41.28	51.00	41.28
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Thành Nguyên	Sản xuất điện	Krông Pa, Gia Lai	51.00	51.00	51.00	51.00
4	Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Sản xuất điện	Vũng Liêm, Vĩnh Long	50.50	50.50	50.50	50.50
5	Công ty Cổ phần Skylar	Sản xuất điện và cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý	TP. Hồ Chí Minh	99.00	99.00	99.00	99.00
6	Công ty Cổ phần BCG GAIA	Hoạt động tư vấn quản lý	TP. Hồ Chí Minh	50.97	50.23	50.97	50.23
7	Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Sản xuất điện	Mỹ Huyền, Sóc Trăng	90.00	90.00	90.00	90.00
8	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Sản xuất điện	Trà Vinh	100.00	99.90	100.00	99.90

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)**

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng kí hoạt động	31.03.2024		31.12.2023	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ lợi ích %
<b>Công ty con trực tiếp (tiếp theo)</b>							
9	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Sản xuất điện	Trà Vinh	100.00	99.93	100.00	99.93
10	Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	99.00	99.00	99.00	99.00
<b>Công ty con gián tiếp</b>							
1	Công ty Cổ phần Greensky Infnitive	Lắp đặt hệ thống xây dựng điện	TP. Hồ Chí Minh	99.80	98.80	99.80	98.80
2	Công ty Cổ phần Herb Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69.00	68.31	69.00	68.31
3	Công ty Cổ phần Orchid Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69.00	68.31	69.00	68.31
4	Công ty Cổ phần Violet Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69.00	68.31	69.00	68.31
5	Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Sản xuất điện	Thạnh Hóa, Long An	99.90	50.23	99.90	50.23
6	Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	Sản xuất điện	Thạnh Hóa, Long An	99.90	50.23	99.90	50.23
7	Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy	Sản xuất điện	TP. Hà Nội	99.80	98.80	99.80	98.80
8	Công ty Cổ phần Cosmos Solar (ii)	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh			99.00	98.01
<b>Công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp</b>							
1	Công ty TNHH Skylight Power	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	50.00	50.00	50.00	50.00
2	Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	Truyền tải và phân phối điện	TP. Hồ Chí Minh	49.00	49.00	49.00	49.00
<b>Công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con</b>							
1	Công ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	50.00	49.50	50.00	49.50

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)**

(i) Theo các Ủy quyền biểu quyết vô điều kiện và không hủy ngang ngày 27 tháng 12 năm 2021, 2 cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch đã ủy quyền toàn bộ 9,72% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó, Công ty nắm giữ 51% quyền biểu quyết trong công ty này.

(ii) Theo Nghị quyết họp Đại hội đồng Cổ đông số 04/2023/NQ-ĐHĐCĐ-COSMOS ngày 6 tháng 12 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông quyết định phê duyệt giải thể Công ty Cổ phần Cosmos Solar. Tại ngày 20 tháng 2 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất các thủ tục liên quan để giải thể công ty con này.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, Công ty có 65 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 61 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Tập đoàn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

**2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kê toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kê toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kê toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.5 Tiền**

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

**2.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

**2.7 Đầu tư tài chính****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng đến ngày đáo hạn.

**(b) Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

**(c) Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.7 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

**(e) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

**2.8 Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được kiểm soát bởi một trong số các bên theo thỏa thuận của BCC. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức chia lợi nhuận trước thuế. Các bên tham gia trong BCC thỏa thuận chia lợi nhuận trước thuế.

BCC chia lợi nhuận trước thuế là BCC dưới hình thức hoạt động do một bên kiểm soát, trong đó:

(i) Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, thì bản chất của hợp đồng là thuê tài sản.

(ii) Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC.

(iii) Nếu Công ty là bên kế toán và quyết toán thuế, Công ty sẽ ghi nhận toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến BCC, sau đó phân bổ doanh thu và chi phí cho các bên tham gia BCC trong kỳ theo tỷ lệ tham gia.

(vi) Nếu Công ty không phải là bên kế toán và quyết toán thuế, Công ty được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng phần doanh thu và chi phí tương ứng với phần được chia từ BCC.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.9 Cho vay**

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

**2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)**

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

*Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Thiết bị quản lý	2 năm

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.11 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.12 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận tài sản trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.13 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ; và

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

**2.14 Vay**

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các bên liên quan và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

**2.15 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

**2.16 Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty tính toán và xác định riêng biệt giá trị cấu phần nợ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi theo phương pháp lãi suất thực. Cấu phần nợ được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) được ghi nhận là vốn chủ sở hữu. Sau ghi nhận ban đầu, định kỳ Công ty ghi nhận lãi trái phiếu theo lãi suất thực. Các chi phí phát hành trái phiếu khi phát sinh được ghi giảm phần nợ gốc, định kỳ phân bổ vào chi phí tài chính.

Khi đáo hạn, cấu phần vốn là giá trị quyền chọn cổ phiếu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.17 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

**2.18 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

**2.19 Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng dựa vào ngày thông báo của Hội đồng Quản trị sau khi có phương án chia cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**2.20 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**(b) Thu nhập lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**(c) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.21 Giá vốn dịch vụ cung cấp**

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.22 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí phát hành trái phiếu; dự phòng đầu tư tài chính; chi phí tài chính khác.

**2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

**2.24 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.25 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và các công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.26 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

**2.27 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

Đơn vị tính: VND

### 3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2024	Số đầu năm
- Tiền gửi ngân hàng	7,620,507,248	14,952,726,806
	<b>7,620,507,248</b>	<b>14,952,726,806</b>

### 4 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/03/2024	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Skylar	3,799,468,500	7,058,205,500
- Công ty Cổ phần Phát Triển Tầm Nhìn Năng Lượng Sạch	3,964,280,000	3,226,424,000
- Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	20,653,944,800	17,044,883,200
- Công ty Cổ phần BCG Vinh Long	3,632,584,400	2,745,572,400
- Công Ty Cổ Phần BCG Gaia	972,000,000	648,000,000
- Công Ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	-	529,200,000
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	3,455,465,200	2,394,347,600
- Khách hàng khác	402,198,480	402,198,480
	<b>36,879,941,380</b>	<b>34,048,831,180</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))</i>	<i>36,879,941,380</i>	<i>34,048,831,180</i>

### 5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/03/2024	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vịnh Nha Trang (*)	36,000,000,000	36,000,000,000
- Viện Năng lượng	980,000,000	980,000,000
- Khác	454,627,300	354,627,300
	<b>37,434,627,300</b>	<b>37,334,627,300</b>

(\*) Đây là khoản đặt cọc cho việc chuyển nhượng cổ phần tại các công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vịnh Nha Trang theo Thỏa thuận Đặt cọc số 1801/2021/HDDC ký ngày 18 tháng 1 năm 2021 về việc đặt cọc nhận chuyển nhượng cổ phần và biên bản làm việc ngày 21 tháng 12 năm 2022 cho việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng đến hết năm 2024.

### 6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/03/2024	Số đầu năm
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
- Chi phí khác chờ phân bổ	1,332,768,836	3,182,796,468
	<b>1,332,768,836</b>	<b>3,182,796,468</b>
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	10,099,677	92,808,047
- Chi phí khác chờ phân bổ	211,910,615	254,707,787
	<b>222,010,292</b>	<b>347,515,834</b>

Đơn vị tính: VND

**7 PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	<b>31/03/2024</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Công ty CP Phát Triển tầm nhìn Năng Lượng Sạch	362,236,000,000	362,236,000,000
- Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	876,300,000	5,226,300,000
- Công ty Cổ phần Skylar	31,736,000,000	22,020,000,000
- Công Ty CP Aurai Wind Energy	10,352,000,000	14,422,000,000
- Công Ty Cổ Phần E Power 1	733,000,000	169,000,000
- Các công ty khác	61,288,000,000	1,267,000,000
	<b>467,221,300,000</b>	<b>405,340,300,000</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))</i>	<i>416,821,300,000</i>	<i>405,340,300,000</i>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	2,375,180,000	1,775,180,000
- Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	1,313,000,000	1,193,000,000
- Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	337,254,000,000	337,254,000,000
- Khách hàng khác	9,835,000,000	8,585,000,000
	<b>350,777,180,000</b>	<b>348,807,180,000</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))</i>	<i>350,777,180,000</i>	<i>348,807,180,000</i>

**CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/03/2024		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ	
<b>a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>					
Tiền gửi có kỳ hạn	592,380,000	592,380,000	592,380,000	592,380,000	-
	592,380,000	592,380,000	592,380,000	592,380,000	-
		31/03/2024		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>b. Chứng khoán kinh doanh(**)</b>	490,000,000,000	(*)	-	-	-
<b>c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	5,618,933,886,200		(346,161,201,737)	5,496,433,886,200	(309,425,702,972)
<b>c.1. Đầu tư vào công ty con</b>	5,387,131,173,850		(344,073,330,766)	5,387,131,173,850	(307,337,832,001)
- Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	540,000,000,000	(*)	-	540,000,000,000	(*)
- Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	108,000,000,000	(*)	2,425,803,590	108,000,000,000	(*)
- Công ty Cổ phần Skylar	495,000,000,000	(*)	-	495,000,000,000	(*)
- Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Xanh	761,525,278,271	(*)	-	761,525,278,271	(*)
- Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	742,500,000,000	(*)	22,666,887,244	742,500,000,000	(*)
- Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	567,350,000,000	(*)	23,686,587,220	567,350,000,000	(*)
- Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	806,475,000,000	(*)	400,133,898	806,475,000,000	(*)
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành	122,400,000,000	(*)	11,303,436,177	122,400,000,000	(*)
- Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	181,340,909,091	(*)	3,168,053,471	181,340,909,091	(*)
- Công ty Cổ phần BCG Gaia	1,062,539,986,488	(*)	280,422,429,166	1,062,539,986,488	(*)
<b>c.2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	27,157,712,350		(2,087,870,971)	27,157,712,350	(2,087,870,971)
- Công ty TNHH Skylight Power	24,952,712,350	(*)	-	24,952,712,350	(*)
- Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	2,205,000,000	(*)	-	2,205,000,000	(*)
<b>c.3. Đầu tư vào các đơn vị khác</b>	204,645,000,000		-	82,145,000,000	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	785,000,000	(*)	-	785,000,000	(*)
- Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Băng Dương	360,000,000	(*)	-	360,000,000	(*)
- Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long I	59,400,000,000	(*)	-	59,400,000,000	(*)
- Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	21,600,000,000	(*)	-	21,600,000,000	(*)
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa (*)	122,500,000,000	(*)	-	122,500,000,000	(*)
<b>Tổng cộng</b>	<b>6,109,526,266,200</b>		<b>(346,161,201,737)</b>	<b>5,497,026,266,200</b>	<b>(309,425,702,972)</b>

**Ghi chú:**

(\*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Theo nghị quyết số 02/2024/NQ-HDQT-BCGE ngày 31 tháng 01 năm 2024, phê duyệt thông qua việc ký kết và thực hiện liên quan tới việc mua bán cổ phần của BCGE với Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa và SUS Vietnam Holdings Pte. Ltd.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/03/2024		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>2,568,858,766,911</b>	-	<b>2,498,129,206,042</b>	-
- Tạm ứng		-		-
+ Phan Trùng Điệp	108,600,000	-	51,800,000	-
+ Các đối tượng khác	812,830,000	-	30,000,000	-
	<b>921,430,000</b>		<b>81,800,000</b>	
- Phải thu gốc BCC		-		-
+ Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 1 (1)(*)	2,380,135,455,067		2,380,135,455,067	
	<b>2,380,135,455,067</b>		<b>2,380,135,455,067</b>	
- Phải thu lãi BCC		-		-
+ Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 1 (1)(*)	52,503,918,176			
	<b>52,503,918,176</b>			
- Phải thu lãi vay		-		-
Công Ty Cp Bcg Wind Sóc Trăng	579,062,057	-	550,833,298	-
Công Ty Cp Năng Lượng Bcg Thạnh Hóa	560,959	-		-
Công Ty TNHH Skylight Power	7,211,202	-		-
Công Ty Cp Mega Solar	4,136,299	-	3,350,957	-
Công Ty Cp Năng Lượng Dương Phong	45,149,671	-	28,218,082	-
Công Ty Cổ Phần Skylar	2,446,381,202		1,809,108,216	
Công Ty Cp Phát Triển Tầm Nhìn Năng Lượng Sạch	124,811,653,055		109,569,883,548	
Công Ty Cp Aurai Wind Energy	4,661,355,020		4,267,752,161	
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	220,810,672		175,486,086	
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	165,868,824		137,243,152	
Công Ty TNHH ĐT và Phát Triển Năng Lượng Thành Nguyên	6,657,534			
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 1	356,687,007		219,975,528	
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 2	87,189,039		68,789,587	
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 3	165,009,210		109,047,950	
Công Ty Cổ Phần E Power 1	11,969,015		1,725,535	
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nguyễn Hoàng	24,558,903		11,095,890	
Nguyễn Thị Minh Thương	744,263,014			
	<b>134,338,522,683</b>		<b>116,952,509,990</b>	
- Phải thu khác		-		-
+ Công Ty CP ĐT PT Công Nghiệp Và Vận Tải	959,440,985		959,440,985	
	<b>959,440,985</b>		<b>959,440,985</b>	

Ghi chú: (\*)

Bên nhận	Số dư	Hợp đồng	Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chi lợi nhuận
Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 1	2,432,639,373,243	số 270421 BCG-KL1	20/04/2024	Dự án điện gió Khu du lịch Khai Long-Cà Mau giai đoạn I	Lợi nhuận 12% năm

<b>b. Phải thu dài hạn khác</b>	<b>10,000,000</b>	-	<b>10,000,000</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	10,000,000	-	10,000,000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,568,868,766,911</b>	-	<b>2,498,139,206,042</b>	-

**Ghi chú: (1)**

(1) Thông qua Nghị quyết số 10/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 15/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần BCG Energy, Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 270421 BCG-KL1 ngày 20/04/2021 với Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 1 về việc đầu tư phát triển Dự án Nhà máy điện gió KDL Khai Long-Giai đoạn I, thời hạn hợp tác là 03 năm.

## 10. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>				
1. Số dư đầu năm	155,200,001	9,468,775,455	50,900,000	9,674,875,456
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Đầu tư XDCN hoàn thành	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giám khác	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	155,200,001	9,468,775,455	50,900,000	9,674,875,456
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
1. Số dư đầu năm	108,741,656	2,650,394,581	27,570,829	2,786,707,066
2. Số tăng trong năm	5,574,999	242,244,024	6,362,499	254,181,522
- Khấu hao tăng trong năm	5,574,999	242,244,024	6,362,499	254,181,522
- Tặng khác	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giám khác	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	114,316,655	2,892,638,605	33,933,328	3,040,888,588
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>				
1. Số dư đầu năm	46,458,345	6,818,380,874	23,329,171	6,888,168,390
2. Số dư cuối năm	40,883,346	6,576,136,850	16,966,672	6,633,986,868



11. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	31/03/2024		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>				
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	3,563,467,374	3,563,467,374	5,372,067,374	5,372,067,374
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	9,714,275,465	9,714,275,465	8,530,960,577	8,530,960,577
- Công ty TNHH Thái Hòa	1,650,000,000	1,650,000,000	1,650,000,000	1,650,000,000
- Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	165,550,000	165,550,000	165,550,000	165,550,000
- Nguyễn Văn Lục	47,000,000,000	47,000,000,000	52,000,000,000	52,000,000,000
- Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Công Nghiệp và Vận Tải	58,000,000,000	58,000,000,000	58,000,000,000	58,000,000,000
- Hồ Quang Chiến	8,950,049,950	8,950,049,950	8,950,049,950	8,950,049,950
- Công ty TNHH Xây Dựng Thuận Nguyên	30,000,000,000	30,000,000,000	30,000,000,000	30,000,000,000
- Ngô Đức Thắng	494,900,000,000	494,900,000,000		
- Các đối tượng khác	2,389,124,676	2,389,124,676	5,499,868,253	5,499,868,253
	<b>656,332,467,465</b>	<b>656,332,467,465</b>	<b>170,168,496,154</b>	<b>170,168,496,154</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))</i>	<i>61,563,733,374</i>	<i>-</i>	<i>118,415,965,374</i>	
<b>b. Dài hạn</b>				
- Nguyễn Văn Lục	105,627,982,231	105,627,982,231	105,627,982,231	105,627,982,231
	<b>105,627,982,231</b>	<b>105,627,982,231</b>	<b>105,627,982,231</b>	<b>105,627,982,231</b>

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2024	Số đầu năm
- Công Ty Cp Aurai Wind Energy	833,373,000,000	833,373,000,000
- Sus Vietnam Holding Pte. Ltd (*)	98,277,040,000	
	<b>931,650,040,000</b>	<b>833,373,000,000</b>

Ghi chú: (\*)

Theo nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐQT-BCGE ngày 31 tháng 01 năm 2024, Phê duyệt thông qua việc ký kết và thực hiện liên quan tới việc mua bán cổ phần của BCGE với Công ty Cổ Phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa và SUS Vietnam Holdings Pte. Ltd. Theo thỏa thuận ràng buộc giữa Công ty CP BCG Energy và SUS Vietnam Holdings Pte. Ltd ký ngày 02/02/2024.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp/Cần trừ trong năm	31/03/2024
<b>a. Phải nộp</b>	<b>300,069,666</b>	<b>1,231,975,799</b>	<b>1,199,287,954</b>	<b>332,757,511</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	399,471,200	399,471,200	-
Thuế thu nhập cá nhân	300,069,666	829,504,599	796,816,754	332,757,511
Thuế khác	-	3,000,000	3,000,000	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/03/2024	Số đầu năm
- Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	3,851,552,053	1,610,060,273
- Trích trước chi phí lương tháng 13	400,000,000	1,677,996,000
- Trích trước CP phải trả khác		360,000,000
	<b>4,251,552,053</b>	<b>3,648,056,273</b>

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/03/2024	Số đầu năm
- KPCD, BHXH, BHYT, BHTN	351,394,800	77,765,280
- Phải trả gốc BCC (*)	9,196,590,000	18,267,590,000
+ Công ty Cổ phần BCG Mega Solar	2,409,000,000	11,480,000,000
+ Cty CP BCG Vĩnh Long	6,787,590,000	6,787,590,000
- Phải trả khác	34,318,400	32,339,200
	<b>9,582,303,200</b>	<b>18,377,694,480</b>

(\*) Chi tiết phải trả gốc BCC

Bên góp BCC	Số tiền (VND)	Thời hạn BCC	Mục đích BCC	Hình thức phân chia lợi nhuận của BCC
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long (i)	6,787,590,000	01022021/HTKD-BCGE-VNECO: 1/02/2021 - 1/7/2022	Hợp tác hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến công tác hoàn công quyết toán dự án Nhà máy điện mặt trời Vneco - Vĩnh Long	•1% lợi nhuận của bên nhận góp vốn và trong thời gian BCC có hiệu lực
Công ty Cổ phần Mega Solar	2,409,000,000	0612/2022/HTKD/B CGE-MGS: 6/12/2022 - 6/12/2023 7/12/2023 - 6/12/2024	Hợp tác đầu tư cho các dự án	•Theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án •Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng
	<b>9,196,590,000</b>			

(i) Theo thỏa thuận chấm dứt BCC giữa Công ty và các bên góp BCC, Công ty có nghĩa vụ hoàn trả các khoản này chậm nhất trong vòng 24 tháng kể từ ngày kết thúc BCC.

**16 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

**a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 01/01/2024			Tại ngày 31/03/2024			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Phân loại lại	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Tổng</b>	<b>46,895,000,000</b>	<b>46,895,000,000</b>	<b>83,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>129,895,000,000</b>	<b>129,895,000,000</b>
+ Trần Thị Kiều Tiên	-	-	70,000,000,000			70,000,000,000	70,000,000,000
+ Huỳnh Phúc Đạt	46,895,000,000	46,895,000,000	13,000,000,000			59,895,000,000	59,895,000,000

(1) Hợp đồng vay giữa Công ty CP BCG Energy và Huỳnh Phúc Đạt số 04082023/2023/HĐV BCGE-HPD ngày 04/08/2023. Số tiền 46,895 tỷ đồng. Thời hạn 12 tháng kể từ ngày vay. Lãi suất 10%/năm.

(2) Hợp đồng vay giữa Công ty CP BCG Energy và Trần Thị Kiều Tiên số 0204/2024 ngày 05/02/2024. Số tiền 70 tỷ đồng. Thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được khoản vay. Lãi suất 7%/năm.

## 17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

## a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>a. Số dư tại ngày 01/01/2023</b>			
- Tăng vốn trong năm trước	4,500,000,000,000	(61,151,176,893)	4,438,848,823,107
- Lợi nhuận/(lỗ) trong năm trước	2,800,000,000,000	-	2,800,000,000,000
- Chia cổ tức	-	121,775,534,238	121,775,534,238
- Giảm khác			
<b>b. Số dư tại ngày 31/12/2023</b>	7,300,000,000,000	60,624,357,345	7,360,624,357,345
<b>c. Số dư tại ngày 01/01/2024</b>	7,300,000,000,000	60,624,357,345	7,360,624,357,345
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
- Lợi nhuận/(lỗ) trong năm nay	-	44,497,961,814	44,497,961,814
- Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-
<b>d. Số dư tại ngày 30/09/2023</b>	7,300,000,000,000	105,122,319,159	7,405,122,319,159

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/03/2024	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	3,698,000,000,000	3,698,000,000,000
- Cty CP Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	85,000,000,000	85,000,000,000
- Cty CP chứng khoán SBS	60,000,000,000	60,000,000,000
- Các cổ đông khác	3,457,000,000,000	3,457,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>7,300,000,000,000</b>	<b>7,300,000,000,000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	31/03/2024	Số đầu năm
<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu kỳ	7,300,000,000,000	7,300,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	7,300,000,000,000	7,300,000,000,000

**d. Cổ phiếu**

	31/03/2024	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	730,000,000	730,000,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	730,000,000	730,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	730,000,000	730,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	730,000,000	730,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	730,000,000	730,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

		Đơn vị tính: VND	
<b>18</b>	<b>DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	Quý 1.2024	Quý 1.2023
	- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7,967,871,000	9,880,875,000
	<b>Cộng</b>	<b>7,967,871,000</b>	<b>9,880,875,000</b>
<b>19</b>	<b>GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	Quý 1.2024	Quý 1.2023
	- Giá vốn dịch vụ	6,415,732,049	6,323,995,146
	<b>Cộng</b>	<b>6,415,732,049</b>	<b>6,323,995,146</b>
<b>20</b>	<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	Quý 1.2024	Quý 1.2023
	- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17,423,766,507	18,044,379,069
	- Lãi thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư, đầu tư khác	72,444,918,176	98,630,136,984
	<b>Cộng</b>	<b>89,868,684,683</b>	<b>116,674,516,053</b>
<b>21</b>	<b>CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	Quý 1.2024	Quý 1.2023
	- Chi phí lãi vay	2,241,491,780	2,788,258,033
	- Chi phí lãi trái phiếu		88,092,114,403
	- Chi phí phát hành trái phiếu		416,666,667
	- Dự phòng đầu tư tài chính	56,463,998,777	
	- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(19,728,500,012)	
	- Chi phí tài chính khác	1,642,561,983	4,545,454,545
	<b>Cộng</b>	<b>40,619,552,528</b>	<b>95,842,493,648</b>
<b>22.</b>	<b>CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>	Quý 1.2024	Quý 1.2023
	<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
	- Chi phí nhân viên quản lý	2,866,173,666	2,906,921,476
	- Chi phí vật liệu quản lý	240,701,091	47,667,882
	- Chi phí đồ dùng văn phòng	112,733,245	148,465,860
	- Chi phí khấu hao	76,254,456	76,982,789
	- Thuế, phí và lệ phí	3,000,000	25,350,245
	- Chi phí dự phòng		
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,697,207,822	2,707,704,302
	- Chi phí bằng tiền khác	298,856,188	53,224,738
	<b>Cộng</b>	<b>6,294,926,468</b>	<b>5,966,317,292</b>

Đơn vị tính: VND

**23 THU NHẬP KHÁC**

- Các khoản khác  
Cộng

Quý 1.2024	Quý 1.2023
600	5,456,150,000
<b>600</b>	<b>5,456,150,000</b>

**24 CHI PHÍ KHÁC**

- Các khoản khác  
Cộng

Quý 1.2024	Quý 1.2023
8,383,424	5,450,089
<b>8,383,424</b>	<b>5,450,089</b>

**25 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

- Chi phí nhân công  
- Chi phí khấu hao TSCĐ  
- Chi phí dịch vụ mua ngoài  
- Chi phí bằng tiền khác  
Cộng

Quý 1.2024	Quý 1.2023
6,523,337,719	6,632,505,235
254,181,522	256,609,297
5,056,759,681	5,126,489,181
876,379,595	274,708,725
<b>12,710,658,517</b>	<b>12,290,312,438</b>

**26 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN  
+ Các khoản điều chỉnh tăng  
+ Các khoản điều chỉnh giảm  
- Tổng thu nhập chịu thuế  
+ Lỗi từ các năm trước chuyển sang  
- Tổng thu nhập tính thuế  
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp  
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp  
+ Khoản thuế TNDN truy thu

Quý 1.2024	Quý 1.2023
44,497,961,814	23,873,284,878
91,526,414	88,593,079
91,526,414	88,593,079
-	-
44,589,488,228	23,961,877,957
(44,589,488,228)	(69,550,933,356)
-	(45,589,055,399)
-	-

**27 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông  
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi  
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm  
Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Quý 1.2024	Quý 1.2023
44,497,961,814	23,873,284,878
730,000,000	450,000,000
<b>61</b>	<b>53</b>

## 28 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Ban điều hành, quản lý
Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT
Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	Công ty con
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Công ty con
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Công ty con
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Công ty con
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Công ty con
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Công ty con gián tiếp
Công Ty Cổ Phần Herb Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty Cổ Phần Orchid Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty Cổ Phần Violet Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ Phần Phát Triển Điện Gia Huy	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Công ty liên doanh, liên kết trực tiếp
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên doanh, liên kết trực tiếp
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty liên doanh, liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Cùng công ty mẹ
Công ty Taxi Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần BCG Land	Cùng công ty mẹ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUYỄN HOÀNG	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Mega Solar	Cùng người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần điện gió BCG Khai Long 1	Cùng người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần điện gió BCG Khai Long 2	Cùng người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Cùng người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần E Power 1	Cùng người đại diện theo pháp luật

Đơn vị tính: VND

## a. Các giao dịch với các bên có liên quan

	Quý 1 năm 2024	Quý 1 năm 2023
<b>Tiền Lương, Thưởng</b>		
Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc	826,191,620	1,256,668,813
Ban Kiểm Soát	81,000,000	81,000,000
	<b>907,191,620</b>	<b>1,337,668,813</b>
<b>Cho Vay</b>		
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	650,000,000	
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	500,000,000	
Công Ty Cổ Phần Skylar	15,716,000,000	1,230,000,000
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	600,000,000	155,000,000
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	120,000,000	190,000,000
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Hanwha - Bcg Băng Dương	-	38,900,000,000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 1	1,250,000,000	990,000,000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 2	-	820,000,000
Công Ty Cp Aurai Wind Energy	930,000,000	
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	8,500,000,000	13,420,000,000
Công Ty Cp Năng Lượng Dương Phong	215,000,000	137,000,000
Công ty Cổ phần E Power 1	564,000,000	
Công ty TNHH Skylight Power	406,000,000	
	<b>29,451,000,000</b>	<b>55,842,000,000</b>
<b>Chuyển Tiền Hợp tác kinh doanh</b>		
Công Ty Cp Mega Solar		
	-	-
<b>Cung Cấp Dịch Vụ</b>		
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	1,007,220,000	1,029,360,000
Công Ty Cổ Phần Skylar	1,653,875,000	1,765,375,000
Công Ty Cp Phát Triển Tâm Nhìn Năng Lượng Sạch	737,856,000	1,025,460,000
Công Ty Cổ Phần Bcg Vĩnh Long	842,100,000	
Công Ty Cổ Phần Bcg Gaia	300,000,000	
Công Ty Cp Aurai Wind Energy	3,426,820,000	
	<b>7,967,871,000</b>	<b>3,820,195,000</b>
<b>Lãi Cho Vay</b>		
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	28,228,759	91,170,493
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	6,657,534	
Công Ty Cổ Phần Skylar	637,272,986	379,253,954
Công Ty Cp Phát Triển Tâm Nhìn Năng Lượng Sạch	15,241,769,507	15,074,277,535
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	45,324,586	25,090,571
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	28,625,672	18,480,824
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Hanwha - Bcg Băng Dương	-	1,265,860,142
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Bcg - Băng Dương	-	
Công Ty Cổ Phần Bcg Vĩnh Long	-	98,630,139
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 1	136,711,479	12,156,164
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 2	18,399,452	13,186,850
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 3	55,961,260	
Công Ty Cp Mega Solar	785,342	776,712
Công Ty Cp Aurai Wind Energy	393,602,859	
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nguyễn Hoàng	13,463,013	
Công Ty Cp Năng Lượng Dương Phong	16,931,589	1,732,193
Công Ty Cp Năng Lượng Bcg Thạnh Hóa	560,959	
Công ty Cổ phần E Power 1	10,243,480	
Công ty TNHH Skylight Power	7,211,202	
	<b>16,641,749,679</b>	<b>16,980,615,577</b>



Đơn vị tính: VND

**a. Các giao dịch với các bên có liên quan (tiếp theo)****Lãi hợp tác kinh doanh**

Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 1

72,444,918,176

98,630,136,984

**72,444,918,176****98,630,136,984****Nhận Cung Cấp Dịch Vụ**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

2,955,000,000

3,042,000,000

Công Ty Taxi Việt Nam

12,396,870

**4,044,011,492****4,027,376,933****Nhận Tiền Hợp Tác Kinh Doanh**

Công Ty Cp Mega Solar

25,000,000,000

-

**25,000,000,000****Thu Hồi Cho Vay**

Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng

5,000,000,000

Công Ty Cổ Phần Skylar

6,000,000,000

19,454,835,000

Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Hanwha - Bcg Băng Dương

-

30,600,000,000

Công Ty Cổ Phần Bcg Vinh Long

-

8,420,000,000

Công Ty Cp Aurai Wind Energy

5,000,000,000

**16,000,000,000****58,474,835,000**

Đơn vị tính: VND

## b. Số dư với các bên có liên quan

	Quý 1 năm 2024	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công Ty Cổ Phần Skylar	3,799,468,500	7,058,205,500
Công Ty Cp Phát Triển Tầm Nhìn Năng Lượng Sạch	3,964,280,000	3,226,424,000
Công Ty Cổ Phần Bcg Vĩnh Long	3,632,584,400	2,745,572,400
Công Ty Cp Aurai Wind Energy	20,653,944,800	17,044,883,200
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Năng Lượng Thành Ng	3,455,465,200	2,394,347,600
Công Ty TNHH Hanwha Bcge - O&M		529,200,000
Công Ty Cổ Phần Bcg Gaia	972,000,000	648,000,000
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	402,198,480	402,198,480
	<b>36,879,941,380</b>	<b>34,048,831,180</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	876,300,000	5,226,300,000
Công Ty Cổ Phần Skylar	31,736,000,000	22,020,000,000
Công Ty Cp Phát Triển Tầm Nhìn Năng Lượng Sạch	362,236,000,000	362,236,000,000
Công Ty Cổ Phần Bcg Vĩnh Long	8,500,000,000	
Công Ty Cp Aurai Wind Energy	10,352,000,000	14,422,000,000
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Năng Lượng Thành Ng	500,000,000	
Công Ty Cp Mega Solar	35,000,000	35,000,000
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nguyễn Hoàng	600,000,000	600,000,000
Công Ty Cp Năng Lượng Bcg Thạnh Hóa	25,000,000	25,000,000
Công ty CP năng lượng Dương Phong	822,000,000	607,000,000
Công ty Cổ phần E Power 1	733,000,000	169,000,000
Công ty TNHH Skylight Power	406,000,000	
	<b>416,821,300,000</b>	<b>405,340,300,000</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	579,062,057	550,833,298
Công Ty Cổ Phần Skylar	2,446,381,202	1,809,108,216
Công Ty Cp Phát Triển Tầm Nhìn Năng Lượng Sạch	124,811,653,055	109,569,883,548
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	220,810,672	175,486,086
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	165,868,824	137,243,152
Công Ty Cp Aurai Wind Energy	4,661,355,020	4,267,752,161
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Năng Lượng Thành Ng	6,657,534	
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 1	2,432,996,060,250	2,380,355,430,595
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 2	87,189,039	68,789,587
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 3	165,009,210	109,047,950
Công Ty Cp Mega Solar	4,136,299	3,350,957
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nguyễn Hoàng	24,558,903	11,095,890
Công Ty Cp Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp Và Vận Tải	959,440,985	959,440,985
Công ty CP năng lượng Dương Phong	45,149,671	28,218,082
Công ty Cổ phần E Power 1	11,969,015	1,725,535
Công ty TNHH Skylight Power	7,211,202	
Công Ty Cp Năng Lượng Bcg Thạnh Hóa	560,959	
	<b>2,567,193,073,897</b>	<b>2,498,047,406,042</b>

Đơn vị tính: VND

**b. Số dư với các bên có liên quan (tiếp theo)**

**Phải thu về cho vay dài hạn**

Công Ty Cp Phát Triển Tầm Nhìn Năng Lượng Sạch	337,254,000,000	337,254,000,000
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	2,375,180,000	1,775,180,000
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	1,313,000,000	1,193,000,000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 1	6,521,000,000	5,271,000,000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 2	820,000,000	820,000,000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 3	2,494,000,000	2,494,000,000
	<b>350,777,180,000</b>	<b>348,807,180,000</b>

**Phải trả người bán ngắn hạn**

Công ty cổ phần tập đoàn Bamboo Capital	3,563,467,374	5,372,067,374
Công Ty Taxi Việt Nam	266,000	631,000
Công Ty Cp Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp Và Vận Tài	58,000,000,000	58,000,000,000
Ông Nguyễn Văn Lục		52,000,000,000
Ông Nguyễn Mạnh Chiến		3,043,267,000
	<b>61,563,733,374</b>	<b>118,415,965,374</b>

**Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Công Ty Cp Aurai Wind Energy	833,373,000,000	833,373,000,000
	<b>833,373,000,000</b>	<b>833,373,000,000</b>

**Phải trả ngắn hạn khác**

Công Ty Cổ Phần Bcg Vĩnh Long	6,787,590,000	6,787,590,000
Công Ty Cp Mega Solar	2,409,000,000	11,480,000,000
	<b>9,196,590,000</b>	<b>18,267,590,000</b>

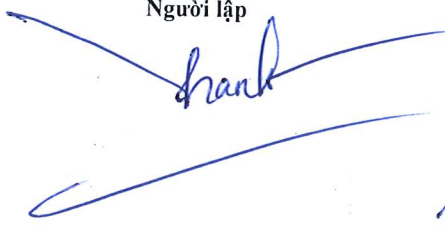
**29 THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 2 điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

**30 THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SO SÁNH**


Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PWC (Việt Nam)

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Hạ

Kế toán trưởng



Lưu Khánh Trường

Ngày lập, ngày 16 tháng 04 năm 2024

Tổng giám đốc



*Phạm Minh Tuấn*